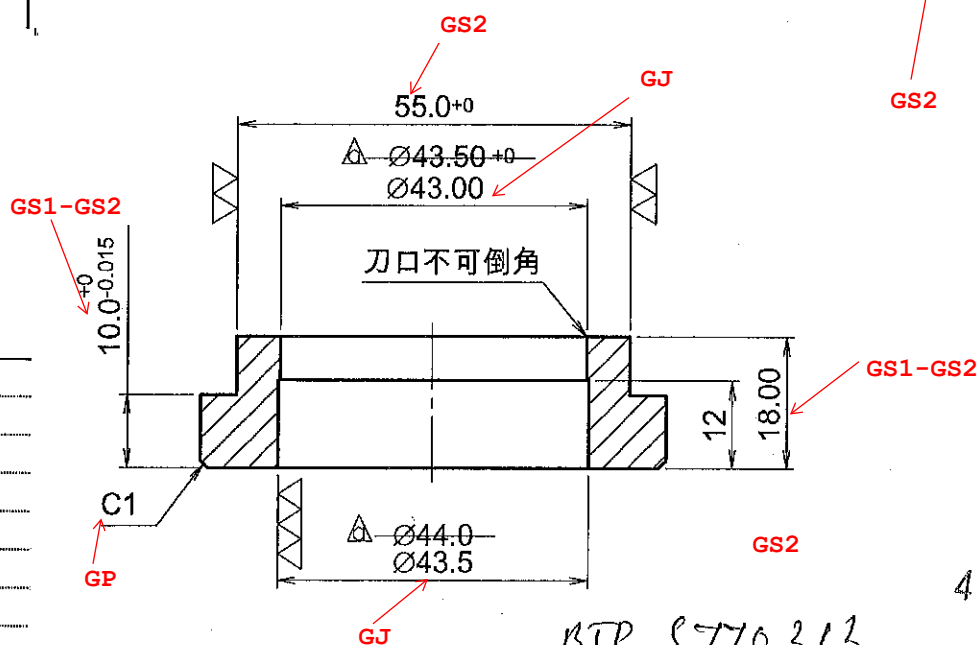
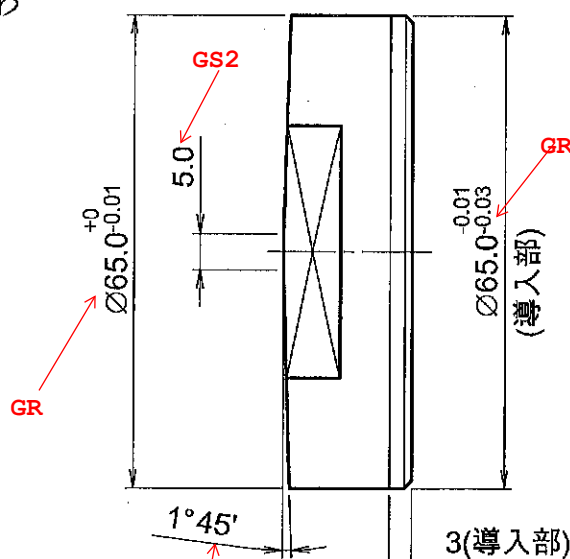
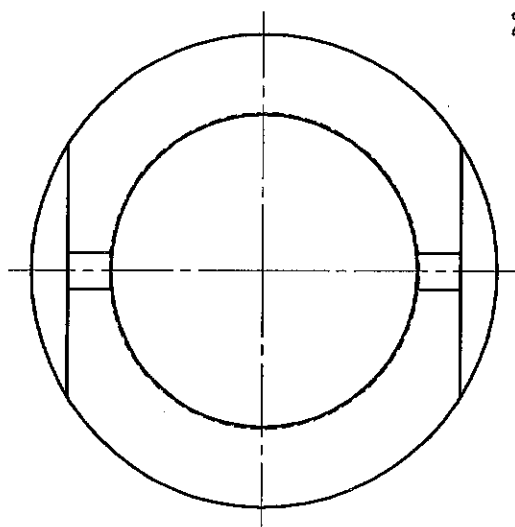


8/20.

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init						0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
a	2008/07/21	原料徑統合關係,寸法精訂,圖番AA→AB,SNO.新探.	T-VNM-08-07-114	Peng_Wei_Chun	Tseng_Chung_Hsi	0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
						0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									
G (▽▽▽)									

213107131A

2p



414.1070421

BTP S770313

DWN.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Peng_Wei_Chun	Tseng_Chung_Hsi	部品図		下型刃物
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		LOWER-DIE SET EDGED TOOL
HRC		部品図		下模刀具
		部品図		下模刀具
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
WC(D30/HIP)	2008/07/10	1:1		S770313

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

SNO: **S770313**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP S770313	GS1:30 GR:90 GJ:120 GP:40 GS2:120 KT